

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 5299 /QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên.

Căn cứ QĐ số 4857/ QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND Quận Long Biên về việc phê duyệt nhu cầu và bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Đức Giang

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

Thời gian công khai: 30/12/2024 đến 30/03/2025.

Hình thức công khai: Niêm yết tại Phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang và đăng trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

**Điều 3:** Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### **Nơi nhận:**

- Bảng tin thông báo( để niêm yết)
- Lưu hồ sơ CK



Nguyễn Thị Soan

## THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 18 /QĐ-THCSĐG ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Trường THCS Đức Giang về việc niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

Trường THCS Đức Giang thông báo niêm yết công khai như sau:

- Nội dung:** Niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.
- Thời gian niêm yết:** Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 30/03/2025.
- Địa điểm niêm yết:** Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử trường THCS Đức Giang.
- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Ban giám hiệu, kế toán, TB TTND, công khai tới toàn thể CBGVNV.
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 30/03/2025.
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường: c2ducgiang@longbien.edu.vn
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** Chậm nhất là ngày 30/03/2025.



Nguyễn Thị Soan

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.**

Căn cứ quyết định số 18/QĐ-THCSĐG ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Trường THCS Đức Giang về việc niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

Hôm nay, vào hồi 08h 00 ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang

**1. Thành phần gồm có:**

- |                           |                                                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Soan      | Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai      |
| - Bà: Phạm Thị Bích Hồng  | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK |
| - Bà: Nguyễn Thị Vân Anh  | Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai   |
| - Bà: Nguyễn Thị Hồng Hải | Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết           |

**2. Với sự chứng kiến của:**

Đ/c: Nguyễn Thị Thanh Thảo- Nhân viên y tế

**3.Nội dung:** Đã tiến hành niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận Long Biên năm 2024.

**4.Thời gian niêm yết:** Từ ngày 30 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 03 năm 2025.

**5.Địa điểm niêm yết:** Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang

Biên bản lập xong vào hồi 8 giờ 10 ngày 30 tháng 12 năm 2024, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.



**Hiệu trưởng**

**Nguyễn Thị Soan**

**Ban TTND**

**Phạm Thị Bích Hồng**

**Người lập biên bản**

**Nguyễn Thị Vân Anh**

**Người chứng kiến**

**Nguyễn Thị Thanh Thảo**

**Người chịu trách nhiệm niêm yết**

**Nguyễn Thị Hồng Hải**

Chương : 622 ; Loại: 070 ; Khoản: 073  
Mã đơn vị SDNS: 1088940  
TK: 9527.3.1088940

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024**

Kính gửi : PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN LONG BIÊN  
**KHO BẠC NHÀ NƯỚC LONG BIÊN**

Căn cứ Quyết định số 4857/QĐ -UBND ngày 06/12/2024 của UBND quận Long Biên về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng 06 tháng cuối năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 73/2024-NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị dự toán UBND các phường thuộc quận Long Biên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-THCSĐG ngày 31/12/2024 về việc ban hành quy chế khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP của đơn vị;

Trường THCS Đức Giang lập dự toán chi quỹ tiền thưởng 6 tháng năm 2024 theo NĐ 73/2024 như sau:

Đơn vị : đồng

| Mục  | Tiểu mục | Nội dung                                                                          | Dự toán bổ sung QĐ số 4857/QĐ-UBND | Ghi chú |
|------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|
|      |          | <b>Chi không thường xuyên</b>                                                     | <b>202,000,000</b>                 |         |
| 6200 |          | <b>Tiền thưởng</b>                                                                | <b>202,000,000</b>                 |         |
|      | 6201     | <b>Thưởng thường xuyên</b>                                                        | <b>161,600,000</b>                 |         |
|      |          | Hoàn thành XS nhiệm vụ: 08 người x hệ số 3 x 1.665.979 đ = 39.983.505 đ           | 39,983,505                         |         |
|      |          | Hoàn thành Tốt nhiệm vụ: Mức A: 26 người x hệ số 2,5 x 1.665.979đ = 108.288.660 đ | 108,288,660                        |         |
|      |          | Hoàn thành Tốt nhiệm vụ: Mức B: 4 người x hệ số 2,0 x 1.665.979đ = 13.327.835 đ   | 13,327,835                         |         |
|      | 6202     | <b>Thưởng đột xuất</b>                                                            | <b>40,400,000</b>                  |         |
|      |          | Khen thưởng mức 1: 1 người x hệ số 3 x 2.340.000 đ = 7.020.000 đ                  | 7,020,000                          |         |
|      |          | Khen thưởng mức 2: 7 người x hệ số 2 x 2.340.000 đ = 33.380.000 đ                 | 33,380,000                         |         |

Ngày 30 tháng 12 năm 2024  
PHÒNG TC - KH QUẬN LONG BIÊN



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
*Trần Thanh Nam*

Ngày 30 tháng 01 năm 2024  
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH  
Kế toán đơn vị



*Nguyễn Thị Hồng Hải*

*Nguyễn Thị Soan*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN LONG BIÊN**

Số: 4857/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Biên, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nhu cầu và bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc quận Long Biên năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận tại Tờ trình số 49/TTr-TCKH ngày 06/12/2024 về việc phê duyệt nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc quận Long Biên năm 2024;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhu cầu và bổ sung kinh phí đối với các phòng, ban, ngành đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các Phường thuộc Quận để thực



hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, số tiền: 16.530.000.000 đồng (*Mười sáu tỷ, năm trăm ba mươi triệu đồng*).

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

**\* Nguồn kinh phí:** Từ nguồn Cải cách tiền lương ngân sách quận Long Biên năm 2024.

**Điều 2.** Các đơn vị được giao bổ sung kinh phí ghi tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm lập dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2024 theo quy định; Sử dụng kinh phí để đảm bảo chế độ tiền thưởng năm 2024 (*dùng để thưởng đột xuất theo thành tích công tác và thưởng định kỳ hằng năm theo kết quả đánh giá, xếp loại mức hoàn thành công việc của từng người hưởng lương trong cơ quan, đơn vị*) theo đúng chế độ quy định của Nhà nước; Trường hợp đến hết ngày 31/01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn sang năm sau, không được sử dụng cho mục đích khác; Quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Thủ trưởng các đơn vị ghi tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- TT HĐND-UBND quận;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH (120b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỜNG NĂM 2024 CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THỰC QUẬN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 4, NGHỊ ĐỊNH 73/2024/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Đơn vị: 1000 đồng

| TT       | Tên đơn vị                             | Chế độ tiền thưởng (10%) theo quy định tại Nghị định 73/NĐ-CP của Chính phủ | Ghi chú |
|----------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|
|          | <b>TỔNG</b>                            | <b>16.530.000</b>                                                           |         |
| <b>I</b> | <b>Khối Phòng, Ban, Đoàn thể</b>       | <b>2.755.000</b>                                                            |         |
| 1        | Văn phòng HĐND&UBND                    | 139.000                                                                     |         |
| 2        | Phòng Nội vụ                           | 50.000                                                                      |         |
| 3        | Phòng Tài chính - Kế hoạch             | 55.000                                                                      |         |
| 4        | Phòng Giáo dục và Đào tạo              | 59.000                                                                      |         |
| 5        | Phòng Kinh tế                          | 34.000                                                                      |         |
| 6        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 33.000                                                                      |         |
| 7        | Phòng Quản lý đô thị                   | 54.000                                                                      |         |
| 8        | Phòng Tài nguyên và Môi trường         | 53.000                                                                      |         |
| 9        | Phòng Tư pháp                          | 30.000                                                                      |         |
| 10       | Phòng Văn hoá và Thông tin             | 27.000                                                                      |         |
| 11       | Phòng Y tế                             | 33.000                                                                      |         |
| 12       | Thanh tra                              | 39.000                                                                      |         |
| 13       | Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị    | 218.000                                                                     |         |
| 14       | Văn phòng Quận ủy                      | 315.000                                                                     |         |
| 15       | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc                | 41.000                                                                      |         |
| 16       | Quận đoàn                              | 17.000                                                                      |         |
| 17       | Hội liên hiệp Phụ nữ                   | 38.000                                                                      |         |
| 18       | Hội Cựu chiến binh                     | 18.000                                                                      |         |
| 19       | Hội chữ thập đỏ                        | 19.000                                                                      |         |
| 20       | Trung tâm Chính trị                    | 26.000                                                                      |         |
| 21       | Trung tâm Văn hóa Thông tin & Thể thao | 91.000                                                                      |         |

| TT         | Tên đơn vị                                         | Chế độ tiền thưởng<br>(10%) theo quy<br>định tại Nghị định<br>73/NĐ-CP của<br>Chính phủ | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 22         | Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp -<br>GDTX Long Biên | 115.000                                                                                 |         |
| 23         | Trung tâm Y tế quận Long Biên                      | 1.251.000                                                                               |         |
| <b>II</b>  | <b>Khối Phường</b>                                 | <b>1.350.000</b>                                                                        |         |
| 1          | UBND phường Việt Hưng                              | 90.000                                                                                  |         |
| 2          | UBND phường Giang Biên                             | 95.000                                                                                  |         |
| 3          | UBND phường Bồ Đề                                  | 109.000                                                                                 |         |
| 4          | UBND phường Long Biên                              | 109.000                                                                                 |         |
| 5          | UBND phường Phúc Lợi                               | 99.000                                                                                  |         |
| 6          | UBND phường Ngọc Lâm                               | 112.000                                                                                 |         |
| 7          | UBND phường Đức Giang                              | 92.000                                                                                  |         |
| 8          | UBND phường Ngọc Thụy                              | 113.000                                                                                 |         |
| 9          | UBND phường Phúc Đồng                              | 115.000                                                                                 |         |
| 10         | UBND phường Thượng Thanh                           | 120.000                                                                                 |         |
| 11         | UBND phường Thạch Bàn                              | 94.000                                                                                  |         |
| 12         | UBND phường Cự Khối                                | 107.000                                                                                 |         |
| 13         | UBND phường Gia Thụy                               | 95.000                                                                                  |         |
| <b>III</b> | <b>Khối Trường học</b>                             | <b>12.425.000</b>                                                                       |         |
| <b>I.1</b> | <b>Khối Mầm non</b>                                | <b>4.223.000</b>                                                                        |         |
| 1          | Mầm non Ánh Sao                                    | 153.000                                                                                 |         |
| 2          | Mầm non Ban Mai Xanh                               | 98.000                                                                                  |         |
| 3          | Mầm non Bắc Biên                                   | 113.000                                                                                 |         |
| 4          | Mầm non Bắc Cầu                                    | 85.000                                                                                  |         |
| 5          | Mầm non Bồ Đề                                      | 144.000                                                                                 |         |
| 6          | Mầm non Cự Khối                                    | 108.000                                                                                 |         |
| 7          | Mầm non Đức Giang                                  | 156.000                                                                                 |         |
| 8          | Mầm non Gia Quất                                   | 97.000                                                                                  |         |
| 9          | Mầm non Gia Thượng                                 | 147.000                                                                                 |         |
| 10         | Mầm non Gia Thụy                                   | 138.000                                                                                 |         |
| 11         | Mầm non Giang Biên                                 | 137.000                                                                                 |         |

| TT         | Tên đơn vị               | Chế độ tiền thưởng<br>(10%) theo quy<br>định tại Nghị định<br>73/NĐ-CP của<br>Chính phủ | Ghi chú |
|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 12         | Mầm non Hoa Anh Đào      | 149.000                                                                                 |         |
| 13         | Mầm non Hoa Hướng Dương  | 90.000                                                                                  |         |
| 14         | Mầm non Hoa Mai          | 142.000                                                                                 |         |
| 15         | Mầm non Hoa Mộc Lan      | 101.000                                                                                 |         |
| 16         | Mầm non Hoa Phượng       | 87.000                                                                                  |         |
| 17         | Mầm non Hoa Sen          | 108.000                                                                                 |         |
| 18         | Mầm non Hoa Sữa          | 159.000                                                                                 |         |
| 19         | Mầm non Hoa Thủy Tiên    | 141.000                                                                                 |         |
| 20         | Mầm non Hoa Trạng Nguyên | 105.000                                                                                 |         |
| 21         | Mầm non Hồng Tiến        | 143.000                                                                                 |         |
| 22         | Mầm non Long Biên A      | 98.000                                                                                  |         |
| 23         | Mầm non Nắng Mai         | 71.000                                                                                  |         |
| 24         | Mầm non Ngọc Thụy        | 155.000                                                                                 |         |
| 25         | Mầm non Nguyệt Quế       | 112.000                                                                                 |         |
| 26         | Mầm non Phúc Đồng        | 167.000                                                                                 |         |
| 27         | Mầm non Phúc Lợi         | 108.000                                                                                 |         |
| 28         | Mầm non Sơn Ca           | 141.000                                                                                 |         |
| 29         | Mầm non Tân Mai          | 87.000                                                                                  |         |
| 30         | Mầm non Thạch Bàn        | 155.000                                                                                 |         |
| 31         | Mầm non Thạch Cầu        | 94.000                                                                                  |         |
| 32         | Mầm non Thượng Thanh     | 92.000                                                                                  |         |
| 33         | Mầm non Trảng An         | 146.000                                                                                 |         |
| 34         | Mầm non Tuổi Hoa         | 98.000                                                                                  |         |
| 35         | Mầm non Việt Hưng        | 98.000                                                                                  |         |
| <b>I.2</b> | <b>Khối Tiểu học</b>     | <b>4.566.000</b>                                                                        |         |
| 1          | Tiểu học Ái Mộ A         | 169.000                                                                                 |         |
| 2          | Tiểu học Bồ Đề           | 180.000                                                                                 |         |
| 3          | Tiểu học Cự Khối         | 156.000                                                                                 |         |
| 4          | Tiểu học Đoàn Kết        | 182.000                                                                                 |         |
| 5          | Tiểu học ĐT Việt Hưng    | 220.000                                                                                 |         |
| 6          | Tiểu học Đức Giang       | 216.000                                                                                 |         |
| 7          | Tiểu học Gia Quất        | 132.000                                                                                 |         |
| 8          | Tiểu học Gia Thượng      | 159.000                                                                                 |         |

| TT         | Tên đơn vị                 | Chế độ tiền thưởng<br>(10%) theo quy<br>định tại Nghị định<br>73/NĐ-CP của<br>Chính phủ | Ghi chú |
|------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9          | Tiểu học Gia Thụy          | 323.000                                                                                 |         |
| 10         | Tiểu học Giang Biên        | 126.000                                                                                 |         |
| 11         | Tiểu học Lê Quý Đôn        | 154.000                                                                                 |         |
| 12         | Tiểu học Long Biên         | 233.000                                                                                 |         |
| 13         | Tiểu học Lý Thường Kiệt    | 134.000                                                                                 |         |
| 14         | Tiểu học Ngô Gia Tự        | 207.000                                                                                 |         |
| 15         | Tiểu học Ngọc Thụy         | 271.000                                                                                 |         |
| 16         | Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm | 112.000                                                                                 |         |
| 17         | Tiểu học Phúc Đồng         | 174.000                                                                                 |         |
| 18         | Tiểu học Phúc Lợi          | 186.000                                                                                 |         |
| 19         | Tiểu học Sài Đồng          | 177.000                                                                                 |         |
| 20         | Tiểu học Thạch Bàn A       | 131.000                                                                                 |         |
| 21         | Tiểu học Thạch Bàn B       | 167.000                                                                                 |         |
| 22         | Tiểu học Thanh Am          | 169.000                                                                                 |         |
| 23         | Tiểu học Thượng Thanh      | 220.000                                                                                 |         |
| 24         | Tiểu học Việt Hưng         | 186.000                                                                                 |         |
| 25         | Tiểu học Vũ Xuân Thiều     | 182.000                                                                                 |         |
| <b>I.3</b> | <b>Khối THCS</b>           | <b>3.511.000</b>                                                                        |         |
| 1          | THCS Bồ Đề                 | 167.000                                                                                 |         |
| 2          | THCS Cự Khối               | 156.000                                                                                 |         |
| 3          | THCS DT Việt Hưng          | 203.000                                                                                 |         |
| 4          | THCS Đức Giang             | 202.000                                                                                 |         |
| 5          | THCS Gia Quất              | 115.000                                                                                 |         |
| 6          | THCS Giang Biên            | 146.000                                                                                 |         |
| 7          | THCS Lê Quý Đôn            | 105.000                                                                                 |         |
| 8          | THCS Long Biên             | 254.000                                                                                 |         |
| 9          | THCS Lý Sơn                | 39.000                                                                                  |         |
| 10         | THCS Lý Thường Kiệt        | 191.000                                                                                 |         |
| 11         | THCS Ngô Gia Tự            | 189.000                                                                                 |         |
| 12         | THCS Ngọc Thụy             | 225.000                                                                                 |         |